

ĐỌC “CÔNG CHÚA BARI” THEO QUAN ĐIỂM GIỚI (GENDER)

Nguyễn Thị Thu Hà*

Tóm tắt

Khác với các nghiên cứu về vụ ca tự sự “Công chúa Bari” tiền lệ, bài viết này hướng tiêu điểm tới các cuộc gặp gỡ, rộng hơn là các mối quan hệ giữa công chúa Bari và các nhân vật (cả nam và nữ) xuất hiện trong tác phẩm và tiến hành phân tích chúng theo quan điểm giới. Cụ thể, bài viết đi sâu phân tích mối quan hệ của công chúa Bari với phụ hoàng Eobi, Đức Phật Thích Ca Thế Tôn, ông bà lão nhân từ, 6 công chúa chị, thần Mujang và những người xung quanh để thấy rõ định kiến xã hội phân biệt nam nữ và khuôn mẫu giới đương thời, nhằm góp phần vào cái nhìn đa chiều hơn về nền văn hoá xã hội Hàn Quốc lúc đó.

Từ khóa: Công chúa Bari, Quan điểm giới, Định kiến giới, Khuôn mẫu giới, Vụ ca tự sự Hàn Quốc.

1. Đặt vấn đề

Simone de Beauvoir đưa ra câu nói nổi tiếng trong cuốn sách *Giới tính thứ 2* (The second sex) - một trong những tác phẩm quan trọng của thế kỷ XX làm cơ sở lý luận cho phong trào nữ quyền, rằng “Người ta sinh ra không phải là phụ nữ mà trở thành phụ nữ.” Tư tưởng này làm tiền đề để lý thuyết nữ quyền theo đuổi khái niệm giới tính (sex) và giới (gender).

Hai khái niệm này được giải thích tại Điều 5 của Luật bình đẳng giới Việt Nam như sau: Giới tính là khái niệm chỉ các đặc điểm sinh học của nam, nữ; Giới là khái niệm chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội. Như vậy, giới tính là cái bẩm sinh, không thể thay đổi còn giới (gender) là cái có thể thay đổi do dạy và học, do mong đợi xã hội. Học giả Mai Huy Bích đã đưa ra nhận xét rằng, việc sử dụng hai khái niệm này nhằm nêu bật không chỉ tính bất biến mà cả tính khả biến và hi vọng thay đổi cho quan hệ giới. Nghĩa là những thay đổi về mặt sinh học diễn ra rất ít, rất chậm chạp, thường đòi hỏi sự tích lũy dần dần qua hàng chục, thậm chí hàng trăm năm, còn trong lĩnh vực văn hoá - xã hội, sự biến đổi mang tính khả dĩ hơn.¹

Việc xác định giới của một người có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong cuộc sống của người ấy, và là nền tảng cơ bản nhất cho bản sắc cá nhân (tức cho việc cá nhân coi mình là ai). Bản sắc (identity) được tạo nên từ nhiều nguồn (sắc tộc, tuổi tác, nghề nghiệp, giai cấp, tôn giáo, quốc tịch, v.v.), và một nguồn trong đó là giới. Bản sắc giới là việc một người tự nhận mình, và được những người khác thừa nhận, là nam hay nữ. Theo quan điểm giới (gender), bản sắc giới được tạo nên từ

*Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

¹ Mai Huy Bích (2009), *Xã hội học giới*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.7.

nhiều yếu tố khác nhau: cá nhân và tập thể, sinh học và xã hội. Đi liền với bản sắc giới thường là các khái niệm nam tính (masculinity) và nữ tính (femininity). Quan niệm của con người về bản sắc giới được hình thành rất sớm đến nỗi khi lớn lên, chúng ta coi đó là đương nhiên. Nhưng giới không chỉ là học cách hành động như một bé trai hay gái; khác biệt giới là cái chúng ta sống hàng ngày. Yếu tố tạo nên sự khác biệt giới là do văn hoá chứ không phải sinh học. Chúng ta tái tạo giới về mặt xã hội qua hàng nghìn hành động nhỏ trong mỗi ngày (làm giới - doing gender).

Hiện nay trong khoa học xã hội, giới (gender) là đề tài nghiên cứu trung tâm bên cạnh giai cấp và tộc người. Giới là một phạm trù then chốt, là lăng kính để xem xét tất cả mọi hiện tượng xã hội. Ở bài nghiên cứu này, tác giả muốn dùng lăng kính “giới” để tiếp cận với tác phẩm “Công chúa Bari”, một tác phẩm vu ca của Hàn Quốc - bộ phận đặc biệt có thể tiết lộ những chiều kích văn hoá giới (feminism) trong văn học dân gian Hàn Quốc do có những đặc điểm được sáng tác/ trình diễn chỉ bởi một số pháp sư (mudang) “có căn” chứ không phải người dân nào cũng có thể; và phần đông pháp sư là nữ (bà đồng), phần đông người tham dự vụ thuật (*musuk*) cũng là nữ (Phan Thị Thu Hiền, 2017: 94~96). Cụ thể trong bài viết này, tác giả sẽ tập trung phân tích các mối quan hệ giữa công chúa Bari với các nhân vật, tức mối quan hệ giới.

“Công chúa Bari” thuộc thể loại vu ca tự sự - di sản văn hoá của Hàn Quốc được hình thành từ thời cổ đại và được lưu truyền cho đến ngày nay. Xứng tầm với thời gian hình thành lâu dài và thông điệp

rộng lớn của mình, nó trở thành đề tài nghiên cứu của rất nhiều học giả Hàn Quốc lẫn nước ngoài. Khía cạnh mà các nghiên cứu trước tập trung khai thác thường là về cấu trúc, thể loại, Shaman giáo, chữ hiếu, nhân vật nữ anh hùng... nhưng lại thiếu vắng những nghiên cứu phân tích các mối quan hệ đa dạng của công chúa Bari với các nhân vật xuất hiện trong tác phẩm, đặc biệt là theo quan điểm giới. Vậy nên trong bài viết này, tác giả hướng tiêu điểm tới các cuộc gặp gỡ, rộng hơn là các mối quan hệ giữa công chúa Bari và các nhân vật khác (thuộc giới nam lẫn giới nữ) xuất hiện trong tác phẩm và tiến hành phân tích chúng theo quan điểm giới, cụ thể là định kiến xã hội phân biệt nam nữ và khuôn mẫu giới nhằm góp phần nghiên cứu tác phẩm này trong chiều kích mới mẻ và khác biệt.

2. Định vị câu chuyện “Công chúa Bari”

Tác phẩm văn học là những câu chuyện phân tích cuộc sống của con người, do đó nó bao hàm từ chính bản thân con người, xã hội, hiện thực, đến các vấn đề cần giải quyết. Tác phẩm văn học, đặc biệt là vu ca tự sự về cơ bản thường tập trung vào cốt truyện nhân vật đi tìm hiểu và xác định bản thân (bản sắc giới) của mình như thế nào trong bối cảnh xã hội và hiện thực. Trong vu ca “Công chúa Bari”, vua và hoàng hậu đã phải chịu tội chết vì ruồng bỏ công chúa Bari, đưa con gái út của mình, rồi chính cô con gái út này đã tận hiến để hồi sinh cho cha mẹ. Nội dung này thể hiện sự điều chỉnh những quy phạm nghiêm ngặt của Nho giáo như quan niệm “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” bởi mơ ước dân chủ, bình đẳng của nhân dân. “Công chúa Bari” là một tác phẩm điển hình cho thể loại này

khi xuất thân không được xã hội công nhận do là nữ, trải qua những biến cố cuộc đời nhiều trắc trở, chông gai để tới ngày hoàn thiện bản thân và được những người xung quanh công nhận. Căn cứ vào cấu trúc và đề tài, người nghiên cứu lựa chọn tác phẩm “Công chúa Bari” làm tư liệu, và xem xét nó theo quan điểm giới - một trong những yếu tố quan trọng để đánh giá các hiện tượng xã hội, nhằm phân tích các mối quan hệ trong tác phẩm từ chi tiết đến bao quát hơn.

Cùng với “Danggeum Aegi” (Giải thích nguồn gốc của Đẻ Thích) và “Chil-seong pu-ri” (Giải thích về chòm sao bảy ngôi), “Công chúa Bari” là một trong 3 tác phẩm vu ca tự sự duy nhất được lưu truyền rộng rãi trên toàn lãnh thổ Hàn Quốc. Tính đến thời điểm hiện tại, tác phẩm này có tổng số 53 dị bản được phát hành thành văn bản có đăng ký tại Hàn Quốc (Kim My Ryeong, 2001:6). Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tiến hành nghiên cứu nội dung văn hoá trên bản kể “Công chúa Bari” của Shin Dong Heun, bản kể được lưu truyền ở vùng Seoul tập trung chủ yếu đến quyền năng siêu nhiên chỉ đường cho người chết về thế giới bên kia của công chúa Bari này được giới nghiên cứu đánh giá cao tại Hàn Quốc.²

“Công chúa Bari” có cốt truyện kể về một nàng công chúa - đứa con gái thứ 7 bị vứt bỏ ngay khi mới chào đời của Đại vương Eobi và phu nhân Gildae ở đất nước Tam (Sam nara). Trước khi kết hôn, các hiền nhân trong thiên hạ đã xem quẻ

bói và đều phán rằng: nếu Đại vương tổ chức lễ cưới trong năm nay thì hoàng hậu sẽ sinh hạ được 7 công chúa, còn nếu để sang năm thì hoàng hậu sẽ sinh hạ được ba hoàng tử. Đại Vương Eobi đã không đợi được và tổ chức hôn lễ liền trong năm đó. Sau đó hoàng hậu lần lượt hạ sinh 6 nàng công chúa liên tiếp. Không bao lâu sau hoàng hậu lại có thai lần thứ 7, và đứa con thứ 7 chào đời lại vẫn là con gái. Đại vương cho rằng mình có tội nên Ngọc Hoàng Thượng Đế mới ban cho ngài 7 con gái và cho rằng mình phải dâng vật quý cho Tây hải Long vương. Vậy là vua gọi tên cô con gái thứ 7 của mình là Bari - mang nghĩa “bỏ đi” và hạ mệnh lệnh vứt bỏ đứa bé còn đỏ hỏn vào hộp ngọc, đem thả ra biển. Đúng lúc Đức Phật Thích Ca Thế Tôn đi ngang qua, Phật nhận ra công chúa Bari và hướng hộp ngọc về Thái Dương tây thôn cho vợ chồng ông bà lão nhân từ nuôi dưỡng. Lên 7 tuổi, dù không được học hành nhưng cô bé rất thông minh tới mức trên thông thiên văn dưới tường địa lý, không điều gì là cô bé không biết. Cô bé thắc mắc về cội nguồn của mình, rằng cha mẹ mình là ai nhưng vẫn không tìm được câu trả lời. Thế rồi khi cô bé lên 15 tuổi, Đại vương Eobi và Hoàng hậu Gildae đều lâm bệnh cùng giờ cùng ngày. Trong giấc mơ, nhà vua thấy một đồng tử mặc áo xanh đến nói với ngài rằng chỉ có nước dưỡng hiền (養賢水) - tên của nước thuốc giúp con người hồi sinh của thần Mujang ở núi Bồng Lai, Phương Trượng (nơi các vị thần tiên sinh sống) mới có thể chữa khỏi bệnh và đây là bệnh phát sinh do mắc tội vứt bỏ công chúa thứ 7 nên hãy đi tìm công chúa về. Vua hạ lệnh cho người đi tìm công chúa Bari, nhờ

² “Công chúa Bari” được đăng trong Shin Dong Heun (2013), Chuyện nàng Bô Roi: con gái của ta, con gái mà ta bỏ rơi đây rồi, Nxb Humanist, tr.116-125. Toàn bộ phần trích dẫn trong bài viết này đều do Nguyễn Thị Thu Hà dịch.

vậy công chúa được tương phùng với cha mẹ. Sau khi trở về hoàng cung, Bari xung phong lên đường tìm kiếm thuốc cứu mạng cha mẹ, sau khi tất cả 6 công chúa chị đều nhất loạt thoái thác. Công chúa Bari đã thay bộ quần áo nam giới và lên đường đi tìm nước dưỡng hiền trên núi Bồng Lai, Phương Trượng, ở đó nàng đã gặp thần Mujang. Để lấy được nước thần, công chúa Bari đã phải trả giá bằng cách làm lao dịch trong suốt 9 năm với 3 năm quét lá, 3 năm đốt lửa, 3 năm múc nước. Sau 9 năm, một ngày nọ thần Mujang nói với công chúa rằng, mặc dù công chúa mặc quần áo nam nhưng nhìn từ phía trước nàng có khí chất và tướng mạo của quốc vương còn nhìn từ phía sau thì nàng là một phụ nữ, sau đó thần Mujang liền đề nghị công chúa làm vợ mình và sinh cho mình 7 người con trai. Công chúa đồng ý kết hôn và hạ sinh 7 người con trai. Mặc dù sống cùng với chồng và con nhưng công chúa Bari vẫn không ngừng lo lắng cho bệnh tật của cha mẹ. Cuối cùng, một ngày nọ công chúa đề nghị thần Mujang cho mình nhanh chóng trở về bên cha mẹ. Thần Mujang chỉ cho nàng những loại thuốc dùng để chữa bệnh và hướng dẫn nàng cách cứu chữa cho cha mẹ. Vào thời khắc hai người tạm biệt nhau, thần Mujang đột ngột quyết định không để công chúa Bari trở về hoàng cung một mình. Vậy là 9 người trong gia đình nhỏ của công chúa cùng nhau trở về hoàng cung. Trên đường trở về trần gian, công chúa đã dâng lòng thành của mình niệm Phật cho những linh hồn đang đi xuống địa ngục và linh hồn đang không biết đi đâu về đâu để họ đến thế giới cực lạc hay đi con đường thiên đô vãng sinh. Cuối

cùng, công chúa gặp 2 chiếc quan tài, một to một nhỏ, đó chính là quan tài chôn Đại vương và hoàng hậu đi đến nghĩa trang. Công chúa liền giấu thần Mujang và 7 người con trai rồi tiến đến phía quan tài, dùng nước lợng hiền và hoa ba màu làm hồi sinh cho cha và mẹ. Sau đó tất cả cùng hồi cung trong tiếng kèn trống như mở hội. Về cung, Đại vương Eobi ban thưởng cho những người có công. Thần Mujang được nhận cúng tế từ lễ cúng thần núi (Sơn Thần Tế) và lễ sau khi hạ huyết (Bình Thổ Tế); bà lão nhân từ được nhận lễ động quan (lộ tế, 路祭) và lễ đoạn tang (cát tế, 吉祭); 7 người con trai của công chúa trở thành thập vương ở thế giới bên kia; còn công chúa Bari trở thành thần linh hướng dẫn linh hồn người chết được vãng sinh cực lạc và được người đời tôn kính.

3. Các mối quan hệ của công chúa Bari theo quan điểm giới

3.1. Trong mối quan hệ với phụ hoàng

Vương quốc Tam của Đại vương Eobi là một xã hội với chế độ trọng nam bảm rĩ bền chặt trong tư tưởng con người cũng như tập tục xã hội. Ảnh hưởng hệ tư tưởng của chế độ đó, Đại vương Eobi là người đánh giá con cái chỉ có giá trị khi là con trai - người có thể kế thừa ngôi vị. Do đó ngài luôn khát khao sinh được con trai, nỗi khao khát này không cần giấu diếm ngay từ lần đầu tiên hoàng hậu Gildae mang thai. Đại vương đã không nén được nỗi tiếc nuối khi nhận được thông báo rằng đứa con đầu lòng của mình là con gái mà thốt lên: “Hoàng hậu đã không đẻ được thái tử ư?” Sau đó, nỗi thất vọng của Đại vương ngày càng lớn dần khi hoàng hậu liên tiếp hạ sinh những 5 lần nữa

nhưng đều hoàn toàn trái với ước nguyện của ngài, 5 cô công chúa tiếp theo nối nhau chào đời. Thế nên nỗi thất vọng của ngài trở thành nỗi tuyệt vọng khi nghe tin đứa con thứ 7 là con gái, tới mức mà:

*“Long lệ hai hàng lã chã tuôn rơi,
long bào ướt đẫm*

*Đại vương thở dài, hương khói ai lo
Tông miếu xã tắc này biết truyền cho ai
Triều đình bá quan biết nương tựa vào ai.”*

Tư tưởng Nho giáo Hàn Quốc quan niệm “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” nên các bậc cha mẹ trông cậy ở người con trai nối dõi, khinh thường con gái và chữ Hiếu hướng tới bổn phận người con trai chứ không phải người con gái, bổn phận người con trưởng chứ không phải người con út (Phan Thị Thu Hiền cb, 2017: 441). Ảnh hưởng bởi tư tưởng này, Đại vương Eobi đã chỉ mong mỗi có một mụn con trai, nhưng điều này không thành đã khiến ngài khóc lóc kêu than. Và ở địa vị ngồi trên ngai vàng cai quản một đất nước, nỗi thất vọng càng lớn hơn người bình thường vì trách nhiệm *“Tông miếu xã tắc này biết truyền cho ai / Triều đình bá quan biết nương tựa vào ai.”* Như vậy, trong mối quan hệ gia tộc, việc Bari là con gái đã là nỗi thất vọng tràn trề, hơn nữa lại là con gái thứ 7 và là con út thì như giọt nước tràn ly, cô bé sẽ không thể tránh khỏi việc bị xem là người vô dụng, không hề có giá trị trong mắt phụ hoàng. Ở đất nước Tam, con gái không phải là đối tượng được kỳ vọng sẽ kế tục sự nghiệp cai quản đất nước nếu như Đại vương Eobi qua đời. Do đó, cả 7 chị em công chúa Bari đều là những người không được chào đón vì giới tính của họ, đặc biệt là công chúa Bari còn bị rẫy bỏ vì giới tính nữ.

Sau đó, Đại vương tiếp tục than trách:
*“Ta đã đắc tội ở kiếp trước
Nên Ngọc Hoàng Thượng Đế mới ban cho
ta 7 công chúa
Hãy tiến thượng công chúa này cho Tây
hải Long vương.”*

Vậy là công chúa Bari được đặt vào hộp ngọc thả trôi ra biển dâng cho Long Vương. Ở tình tiết này, công chúa Bari đã trở thành vật tế thần hồng chuộc lại lỗi lầm của đấng sinh thành. Trong xã hội trọng nam của Đại vương Eobi, nam giới - người được kỳ vọng sẽ giữ bổn phận báo hiếu cho cha mẹ, mới có giá trị còn nữ giới không được coi trọng, thậm chí có thể trở thành vật hy sinh khi cần thiết. Ở tình huống này, nếu giả sử Bari sinh ra không phải là con gái mà là con trai, hẳn rằng cô bé đã không phải làm vật tế thần, không bị ruồng bỏ, không bị bỏ hộp ngọc thả trôi ra biển. Đây không khác gì bản tuyên án phải chết. Ở đây, giới nam (Đại vương Eobi) đã yêu cầu giới nữ (công chúa Bari) một sự hy sinh lớn đến cùng cực.

3.2. Trong mối quan hệ với Thích Ca Thế Tôn

Trong vu ca “Công chúa Bari”, công chúa Bari đã 2 lần được diện kiến Đức Phật Thích Ca Thế Tôn và cả hai lần đều công chúa đều nhận được sự cứu độ của Phật. Lần diện kiến đầu tiên là thời điểm công chúa Bari trôi dạt theo biển Tứ Hải, nó đúng với thời điểm Đức Phật Thích Ca Thế Tôn đang dạo quanh biển Tứ Hải cứu độ nhân gian. Thích Ca Thế Tôn nhận ra công chúa thứ 7 của quốc vương và dẫn đường hộp ngọc tới Thái Dương tây thôn cho ông bà lão nhân từ nuôi dưỡng. Nhờ sự cứu độ của Đức Phật, công chúa Bari đã được cứu sống. Lần

gặp thứ 2 là khi công chúa đang trên đường đi tìm thuốc thần cứu chữa cho cha mẹ. Chi tiết cần chú ý ở tình tiết này là công chúa mặc quần áo nam và nói dối rằng mình là hoàng tử của đất nước Tam, nhưng Đức Phật đã tha thứ cho nàng vì lòng hiếu thảo của nàng với cha mẹ rất lớn. Chi tiết này một lần nữa phần nào khẳng định cho chúng ta thấy rằng, trong khi Nho giáo trọng nam khinh nữ thì Phật giáo nhất thiết bình đẳng. Ngoài ra đạo Phật còn coi trọng chữ Hiếu, đặc biệt là chữ Hiếu hướng tới cứu rỗi cha mẹ. Chính vì thế Thích Ca Thế Tôn đã ban thêm hồng phúc cho công chúa bằng cách cho nàng hoa thân linh và gậy vàng, những vật dụng cần thiết để vượt qua con đường hiểm nguy phía trước.

3.3. Trong mối quan hệ với ông bà lão nhân từ

Nghe theo lời đề nghị nhận Bari về nuôi dạy của Thích Ca Thế Tôn, mặc dù cuộc sống nghèo khổ nhưng ông bà lão nhân từ vẫn quyết định nuôi nấng công chúa Bari. Vậy là công chúa Bari - người mang dòng giống của Đại vương Eobi đã không được nuôi dưỡng trong cung mà được nuôi dưỡng bởi người ngoài, thuộc tầng lớp dân thường không có gì trong tay tới độ phải đi hành khất. Nhưng cũng chính bởi điều kiện và tính cách này mà ông bà lão nhân từ đã không có những định kiến, quan niệm cổ hủ về phân biệt giới tính. Theo đó công chúa Bari đã được nuôi dạy và trưởng thành trong không gian không có bất cứ định kiến về vai trò giới của nam/ nữ. Cô bé đã lớn lên trong môi trường hoàn toàn không có các quy định, giá trị hay trật tự về phân biệt giới nghiêm ngặt như ở nơi cô bé từng sinh ra. Nơi cô bé trưởng thành đã không hề tồn

tại tư tưởng trọng nam khinh nữ, ưa chuộng con trai hơn con gái. Chính nhờ được bao bọc bởi mối quan hệ này mà năng lực tiềm ẩn của công chúa Bari có cơ hội được thể hiện và phát triển trọn vẹn.

Dưới sự nuôi dạy của ông bà lão nhân từ, công chúa Bari đã phát huy năng lực xuất chúng của mình. Khi được 7 tuổi, dù “*không được học hành nhưng cô bé rất thông minh, thông tuệ mọi kiến thức trên đời*”. Chi tiết công chúa Bari hiểu cao biết rộng này là toàn bộ những thành quả khoa học nhân văn mà xã hội cổ đại xem trọng, đặc biệt cô bé đã có cơ hội được học chữ và kiến thức cổ kim - một đặc quyền vốn chỉ dành cho nam giới thuộc giai tầng đặc biệt trong xã hội. Ông bà lão nhân từ đã không kỳ vọng công chúa Bari trong khuôn mẫu giới tính nữ thời đó, nhờ đó cô bé được học tập, nói cách khác cô bé được phát triển giới thông qua học tập, giáo dục. Nếu như Bari lớn lên ở vương quốc của cha mình thì việc cô bé được lĩnh hội những thành tích học tập này là thứ khó có thể tưởng tượng được. Bởi trong bối cảnh hiện thực lịch sử, phụ nữ bao gồm cả công chúa cũng không được trao cho cơ hội được học chữ hay khoa học nhân văn. Nhưng trong không gian không có sự phân biệt giới tính này, công chúa Bari đã thoát khỏi quy phạm về giới ở đất nước của Đại vương Eobi để trở thành một người am hiểu các thành quả khoa học nhân văn, tường thông hệ thống tri thức từ cổ chí kim - những yếu tố được xem là nam tính (masculinity) ở nền văn hoá đó.

3.4. Trong mối tương quan với các chị gái

Việc Đại vương Eobi lâm bệnh nặng đã trở thành cơ hội để công chúa Bari được tương phùng cùng cha mẹ và các chị, được tìm về với cội nguồn của

mình. Đồng tử áo xanh đã hiện về trong giấc mơ giữa ban ngày của Đại vương và báo mộng cho ngài về thứ thuốc có thể giúp ngài và hoàng hậu bình phục, đồng thời còn dặn dò thêm hãy tìm công chúa Bari - người duy nhất có thể giúp Đại vương và hoàng hậu khỏi bệnh. Nhờ vậy, Bari được trở về hoàng cung hội ngộ cùng gia tộc. Nhưng ở thời khắc quan trọng khi vua cần người đi tìm nước thuốc thì ứng xử và hành động của công chúa Bari và các chị xuất hiện hoàn toàn đối lập nhau. Sáu công chúa chị đều thoái thác, cách phản ứng này hoàn toàn trái ngược với công chúa Bari khi nàng bước lên và nói: *“Con đã ở trong bụng mẹ suốt 10 tháng, ơn cha mẹ rất lớn, con sẽ đi cứu cha mẹ.”* Hành trình đi tìm thuốc chữa bệnh là nhiệm vụ vô cùng khó khăn mà thường do nam giới đảm nhiệm. Việc xung phong thực hiện nhiệm vụ này cho thấy công chúa Bari đã hành động như một nam nhi, nói cách khác nàng thực hiện những hành vi vượt quá vai trò giới. Bản sắc giới của công chúa Bari có lẫn cả nam tính.

Ở đây cần phải nhấn mạnh rằng, bản sắc nam tính sẵn sàng đối đầu với hiểm nguy của công chúa Bari đã được đâm chồi nảy lộc ở một nền văn hoá xã hội bên ngoài hoàng cung - nơi không có sự kỳ thị, phân biệt giới tính. Tính nam tính này xuất hiện một cách nổi bật hơn nữa khi so sánh tương quan với 6 công chúa chị. Sáu công chúa chị sống sung sướng trong hoàng cung đã thoái thác không đi, hành vi này đối lập hoàn toàn với hành vi ngay lập tức xung phong lên đường dù biết sẽ gặp nhiều hiểm nguy của cô công chúa út - người đã phải chịu đựng *“cái lạnh, cái nóng, cái đói một cách khó khăn”*. Chi tiết này ám chỉ rằng việc Bari

bị vứt bỏ ngay khi vừa mới chào đời là tình tiết làm nổi bật hành vi khác biệt này của nàng. Phản ứng của sáu công chúa chị được bao bọc trong cung vua thể hiện vô cùng yếu đuối còn công chúa Bari lại dũng cảm đến mức quên cả tính mạng. Tại sao lại có sự khác biệt này? Lý do thứ nhất là vì họ đã sống trong môi trường sống có nền văn hoá xã hội khác nhau. Nền văn hoá xã hội ở vương quốc của Đại vương Eobi bị thống trị bởi chế độ trọng nam, ở đây phụ nữ là những người yếu thế, yếu đuối. Điều này lý giải cho phản ứng yếu đuối của họ trước đề nghị của phụ hoàng. Ngược lại, môi trường sống của công chúa Bari không bị thống trị bởi chế độ trọng nam kinh nữ là lý do cho cách ứng xử khác biệt của công chúa Bari, giải thích cho những hành xử dũng cảm, không hề yếu đuối của nàng. Thứ hai, khác biệt do họ được giáo dục (xã hội hoá) khác nhau. Ở vương quốc của Đại vương Eobi, nền văn hoá xã hội đó đã kỳ vọng 6 công chúa chị theo khuôn mẫu giới tính nữ và ngay lập tức những người chịu ảnh hưởng bởi nền văn hoá đó đã giáo dục 6 công chúa theo cách mà xã hội đó kỳ vọng. Họ không được học chữ và được kỳ vọng phải nhu mì, hiền thực, nhút nhát - những tập tính phụ nữ, trong khi đó công chúa Bari lại được dạy học chữ và khoa học nhân văn giúp nàng hiểu rõ về chữ trung, chữ hiếu. Đây chính là nền tảng hình thành tính cách hiếu đạo, trí dũng cho nàng, khiến nàng sẵn sàng quên mình để giữ trọn chữ hiếu với cha mẹ.

3.5. Trong quan hệ hôn nhân với thần Mujang

Trước khi đi vào phân tích mối quan hệ hôn nhân của công chúa Bari với thần Mujang, người nghiên cứu muốn chú

ý đến chi tiết công chúa Bari mặc nam phục đi tìm thuốc cứu cha mẹ. Chúng ta hãy nhớ lại môi trường nơi Bari trưởng thành dưới sự nuôi dạy của ông bà lão nhân từ, nơi đó đã không hề có bất cứ đề cập nào về trang phục nam nữ, không có bất cứ yếu tố phân biệt đối xử về giới nhân mạnh chỉ đàn ông mới được đi học còn phụ nữ thì không. Trái lại, năng lực trí thức của công chúa Bari - thứ vốn không được công nhận trong nền văn hoá ở vương quốc Tam, thì ở đây nó còn là yếu tố được ca tụng. Thế nhưng khi lên đường đi tìm thuốc thì công chúa Bari lại mặc nam phục để cải trang thành đàn ông. Khi lý giải sự khác biệt giới bằng *thuyết kiến tạo xã hội về giới*, nhà nghiên cứu R. Connell cho rằng, trang phục (quần áo, giày dép) là những phương tiện quan trọng để đạt được sự chối bỏ cơ thể, váy, giày cao cổ và túi xách (tất cả theo phong cách nữ) cho cơ thể nữ, còn quần (có túi), cà vạt và giày da trơn (toàn bộ theo phong cách nam) cho cơ thể nam.³ Như vậy ở đây, công chúa Bari đã dùng trang phục để chối bỏ cơ thể giới nữ của mình. Tất nhiên, nàng làm điều này có lẽ không vì khát vọng muốn trở thành nam nhi, mà chỉ đơn giản để gặp thuận lợi hơn trong hành trình đi tìm thuốc gian nan. Đường đi lấy thuốc rất xa, trong khi xã hội đó có chế độ trọng nam thống trị mọi lĩnh vực và phụ nữ là giới yếu thế hơn, có thể gặp vô vàn nguy cơ xấu. Hẳn rằng hành trình đó sẽ có biết bao biến cố, rui ro có thể ập xuống bất thình lình nếu như người đi đường là một cô gái. Có lẽ đây chính là lý do khiến nàng phải cải trang thành nam nhi trước

khi lên đường và cả trong 9 năm làm lao dịch để trả tiền lệ phí lấy thuốc chữa bệnh cho cha mẹ.

Để chữa bệnh cho Đại vương và hoàng hậu thì cần phải có nước thuốc của thần Mujang. Chính vì thế công chúa Bari đã gặp thần Mujang trên hành trình đi tìm thuốc chữa bệnh. Thế nhưng sau khi công chúa hoàn thành 3 năm quét lá cây, thêm 3 năm đốt lửa và lại thêm 3 năm múc nước - những công việc làm lộ phí để lấy được thuốc từ thần Mujang thì thần Mujang lại tỏ lộ với nàng:

*“Ta trông nàng mặc quần áo nam trang
Nhưng phía trước của nàng là khí chất và
tướng mạo của hoàng tộc,*

*Còn phía sau của nàng là cơ thể của một
nữ nhi*

Nàng hãy thiên sinh phối thât với ta.

Nàng hãy sinh cho ta 7 con trai.”

Vậy là công chúa Bari và thần Mujang cùng nhau chung sống và sinh được 7 người con trai. Chi tiết này cho chúng ta thấy công chúa Bari có thể tự đưa ra quyết định của mình và bộc lộ mạnh mẽ tính nữ (femininity) của mình theo quan điểm giới (gender).

Nếu như Bari ở vương quốc của Đại vương Eobi, nơi chế độ gia trưởng ăn sâu bám chặt thì việc kết hôn sẽ nhất định được định đoạt bởi người cha mà không hề xem xét đến tâm tư, tình cảm của người con gái, nhưng ở chốn Tây thiên, công chúa Bari đã không những tự quyết định việc hôn nhân của mình mà còn tự định đoạt việc sinh con đẻ cái. Ở chi tiết này, công chúa Bari đã vượt qua giới hạn về thể xác và khắc phục cả hạn chế về tinh thần. Công chúa đã tự đưa ra những quyết định trọng đại mà phụ nữ thời đó đã không thể. Đây là hành động lật đổ giá trị

³ Mai Huy Bích(2009), *Xã hội học giới*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr.79.

quan của xã hội gia trưởng mà nàng thuộc về. Tất nhiên hành động này chỉ thành công ở không gian không phân biệt giới (Tây thiên).

Việc công chúa Bari chấp thuận lời đề nghị của thần Mujang, kết hôn và sinh 7 người con là quá trình nữ tính (femininity) của nàng đã bị phủ định và bóp méo ngay khi vừa chào đời được khắc hoạ đỉnh điểm. Chi tiết này cũng được xem là quá trình nữ tính mà nàng vốn có được bộc lộ trọn vẹn, rõ ràng nhất. Đặc điểm nữ tính sinh con đẻ cái này là đặc điểm sinh học nên nó có từ khi công chúa Bari mới chào đời, và nó được công chúa Bari cảm nhận và nội hoá vào cơ thể mình. Việc nàng đồng ý trước lời đề nghị của thần Mujang thì đồng nghĩa với việc cá nhân nàng đã tự nhận mình là nữ. Bên cạnh đó, thần Mujang cũng nhìn nhận công chúa Bari là phụ nữ. Vậy là bản sắc giới của công chúa Bari được xác lập. Ngoài ra, cái nữ tính đã bị chối bỏ vào thời điểm bị thả trôi ra biển đó, ở nơi Tây thiên cùng với thần Mujang, nó lại được phát huy mạnh mẽ khi được sử dụng làm một trong những yếu tố giúp lấy được thuốc chữa bệnh cho Đại vương Eobi và hoàng hậu Gildae, thể hiện chữ hiếu của con cái với cha mẹ. Trong khi đó nếu đặt giả thuyết người đi tìm thuốc không phải là phụ nữ (công chúa Bari) mà là đàn ông thì hẳn rằng nhiệm vụ cuối cùng do thần Mujang yêu cầu sẽ khó lòng được hoàn thành.

Ngoài ra, chi tiết này cũng cho chúng ta thấy điểm khác biệt của câu chuyện nữ anh hùng, khi so sánh với các câu chuyện về nam anh hùng. Các huyền thoại lập quốc, các truyền thuyết, các câu chuyện lịch sử thường là các vị vua, các

tướng sĩ, các tráng sĩ, ...- những nhân vật nam giới. Do đó những khổ hạnh, công gai mà những nhân vật này phải vượt qua thường là những công việc lao lực thể chất. Tương tự như vậy, công chúa Bari cũng phải lao lực thể chất trong 9 năm, nhưng không dừng lại ở đó, trong vụ ca về nữ anh hùng này, nhân vật chính không phải là nam mà là nữ, do đó mà nhân vật này phải vượt qua một bước công gai mà chỉ giới nữ mới có thể làm, đó là sinh con đẻ cái.

Thêm nữa, mối quan hệ của công chúa Bari và thần Mujang rất đặc biệt. Khi công chúa Bari xin phép về cứu cha mẹ, thần Mujang đồng ý và nói thêm rằng, ta không thể sống một mình, thế nên ta sẽ đi theo công chúa. Nếu như Nho giáo quan niệm “chồng chúa - vợ tôi”, “chồng cao như trời, vợ thấp như đất” thì trong vụ ca này, Bari kết duyên chồng vợ với thần Mujang, yêu thương nhau, khi nàng vì chữ Hiếu phải trở về thì chàng cũng vì chữ Tình mà cùng các con theo gót vợ (Phan Thị Thu Hiền cb, 2017: 441). Ở đây, không phải người vợ đã phải nhất nhất vâng lời và hành động dưới sự cho phép của người chồng, mà ngược lại người chồng đã rất tôn trọng người vợ, hy sinh cái tôi của mình để vợ được giữ trọn chữ Hiếu với cha mẹ.

3.6. Trong các mối quan hệ xã hội khác

Công chúa Bari khi đi tìm thuốc đã được diện kiến Thích Ca Thế Tôn và nhận hoa thần linh. Trên đường đi nàng đã ghé qua địa ngục và chứng kiến sự thống khổ của tội nhân nơi địa ngục, nàng đã lác hoa thần linh để giải thoát cho những tội nhân này. Phá địa ngục (破地獄) là sự kiện đầu tiên mà năng lực siêu nhiên của nàng được biểu lộ rõ rệt. Trên đường mang thuốc về

cứu cha mẹ, công chúa Bari còn niệm Phật cho những hồn ma trên chiếc thuyền không người để giúp họ về nơi vãng sinh cực lạc. Năng lực siêu nhiên của công chúa Bari đã được lộ diện trong các mối quan hệ với những tội nhân, hay những hồn ma không biết đi đâu về đâu. Và có lẽ cũng chính do quyền lực siêu nhiên này mà nàng đã từ chối nhận những hậu thưởng do Đại vương Eobi đề nghị ban thưởng cho nàng, sau đó trở thành thần linh hướng dẫn linh hồn người chết được vãng sinh cực lạc - một vị thần trong Shaman giáo. Có lẽ chính bản sắc giới khác biệt với những năng lực xuất chúng của công chúa Bari đã phú cho nàng quyền lực siêu nhiên này⁴. Cuối tác phẩm, khi công chúa Bari trở về hoàng cung, công chúa là nữ giới nhưng lại không những tinh thông kim cổ mà còn sở hữu cả quyền lực siêu nhiên. Trong khi đó, vương quốc của cha nàng là một xã hội trọng nam, phân biệt rạch ròi nam giới và nữ giới. Chính vì lẽ đó, để xã hội này thừa nhận công chúa Bari - một cá nhân tiêu biểu mà không áp đặt những người có năng lực khác biệt như nàng phải thay đổi hay không gán cho họ cái tai tiếng nào thì trở thành một đấng siêu nhiên như vị thần trong Shaman giáo là con đường duy nhất để khẳng định địa vị của công chúa Bari trong xã hội đó.

⁴ Trong cuốn sách *Xã hội học giới* của mình, Mai Huy Bích đã khảo sát các nghiên cứu trước của Helliwell (1993) thấy kết quả rằng: "Tại nhiều xã hội ở Đông Nam Á, người ta thường cho rằng chính bản sắc giới không rõ ràng của họ (những đồng nam - male transvestite) đã phú cho họ quyền lực siêu nhiên."; và Williams (1996) đưa ra kết luận rằng, vai trò trung gian của người berdache ở một vài xã hội thổ dân Bắc Mỹ và châu Á, Nam Thái Bình Dương không chỉ là giữa nam và nữ, mà cả giữa cái thể chất và cái tâm linh. (Mai Huy Bích, 2009: 33-36)

4. Kết luận

Nhân vật công chúa Bari có giới tính bẩm sinh thuộc giới nữ. Nhưng theo quan điểm giới (gender), bản sắc giới của công chúa đã liên tục được phát triển qua những va chạm với các nhân vật xuất hiện xuyên suốt trong tác phẩm. Bài viết này đã tiến hành phân tích các mối quan hệ của công chúa Bari với các nhân vật vây quanh nàng. Trong mỗi quan hệ với Đại vương Eobi, công chúa Bari phải chịu sự phân biệt đối xử cùng cực vì giới tính của mình. Trong mỗi quan hệ với Thích Ca Thế Tôn, công chúa không bị phân biệt đối xử mà được hưởng nhiều hồng lộc. Trong mỗi quan hệ với ông bà lão nhân từ, công chúa được đối xử thoát khỏi sự phân biệt, kỳ thị và nhờ đó công chúa được học tập để phát triển bản sắc giới của mình. Trong mỗi quan hệ với 6 công chúa chị, chúng ta xác nhận được bản sắc của công chúa Bari khác biệt với các chị. Trong mỗi quan hệ với thần Mujang, công chúa đã thể hiện cả phần nữ tính và nam tính của mình, đồng thời xác nhận bản sắc của mình. Cuối cùng, trong mỗi quan hệ với những người xung quanh, công chúa được thừa nhận là giới siêu nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Cho Dong Il, Seo Dae Seok, Lee Hai Soon, Kim Dae Haeng, Park Hee Byoung, Oh Sae Young, Cho Nam Hyon (Trần Thị Bích Phượng dịch) (2010), *Những bài giảng văn học Hàn Quốc*, Nxb Văn học.
2. Mai Huy Bích (2009), *Xã hội học giới*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
3. Woo Han Yong, Park In Gee, Chung Byung Heon, Choi Byeong Woo, Yoon Bun Hee (Đào Thị Mỹ Khanh dịch) (2009), *Văn học cổ điển Hàn Quốc*, Nxb Văn Nghệ.

4. Phan Thị Thu Hiền, Nguyễn Thị Hiền (2017), Giáo trình Văn học Hàn Quốc, Nxb Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.
5. Phan Thị Thu Hiền (cb) (2017), Hợp tuyển văn học dân gian Hàn Quốc, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếng Hàn

1. Ansgar Nunning, Roy Sommer (2006), Lý thuyết văn hoá và nghiên cứu văn học, Nxb Viện văn hoá xuất bản đại học, Trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc (안스가 뉘닝, 로이 조머 (2006), 문화이론과 문학연구, 연세대학교 대학출판문화원).
2. Kim Mi Ryeong (2001), “Nghiên cứu vu ca tự sự ‘Công chúa Bari’”, Luận văn thạc sỹ trường Đại học Choson, Hàn Quốc. (김미령 (2001), 絃事巫歌 “바리공주” 研究, 석사논문, 조선대학교).
Shin Dong Heun (2013), Công chúa Bari: Con gái của ta, con gái mà ta bỏ rơi đây rồi, Nxb Humanist (신동훈 (2013), 바리테기: 야야 내 딸이야 내가 버린 내 딸이야, 휴머니스트).

READING “BARI PRINCESS” MUGA FROM THE GENDER PERSPECTIVE

Abstract

Different from previous research on “Bari Princess”, this paper is designed to focus on the relationships between Bari Princess and characters (both male and female) in the context of “Bari princess” muga. Furthermore, the writer also attempts to analyze those relationships in the scope of gender perspective. Specifically, this paper will strive to illuminate the relationship of Bari Princess with Eobi Emperor, with Shakyamuni Buddha, with the generous old man and his wife, with six elder princesses, with Mujangsung (a Taoist hermit with miraculous powers) and with people around her. By doing so, the researcher tries to offer a clear view for understanding of the social bias, gender discrimination and gender pattern implying in the story of “Bari princess”.

Key words: Bari princess, gender perspective, gender discrimination, gender pattern, Korean muga

THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ HÀN QUỐC

1. Bài gửi Tạp chí là bài chưa công bố trên các sách, báo, tạp chí khác.
2. Bản thảo được soạn trên máy vi tính, khổ A4, phông chữ Times New Roman (thuộc mã UNICODE), cỡ chữ 12, giãn dòng 1.1.
3. Danh mục Tài liệu tham khảo để ở cuối bài, theo từng khối: Việt, Anh, Pháp, Hàn Quốc, Trung Quốc, ... và Internet.
4. Bài viết gửi qua email: maingocchu@gmail.com. Tòa soạn không trả lại bản thảo.
5. Bài viết phải có tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Việt để ở phần trên của bài, dưới tên bài và tên tác giả. Tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Anh để ở cuối bài, sau Tài liệu tham khảo.